TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-10-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di.
2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1987 (có mặt)
Địa chỉ: E02/8 ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1980 (có mặt).
Địa chỉ: E02/8 ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M và ông Nguyễn Văn D chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L năm 2007 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, ông D không chung thủy, gia trưởng, vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Bà M nhận thấy không còn tình cảm gì với ông D nữa nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn Sĩ, sinh ngày 14/9/2008 và Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 05/8/2011. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Trong thời gian ly thân, bà M đưa 02 con về nhà ba mẹ ruột của bà M ở cho đến nay. Bà M cho rằng các con còn nhỏ tuổi, các con đều có nguyện vọng ở với mẹ nên bà không muốn chia cắt tình cảm anh em, bà có đủ kinh tế và điều kiện để chăm sóc tốt cho các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Theo bản tự khai và trong qúa trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông D thống nhất về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như bà M trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau này có nhiều mâu thuẫn,vợ chồng sống không hợp nhau, không còn quan tâm đến nhau. Ông D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng là khó hàn gắn, bản thân ông tuy còn thương yêu vợ con nhưng bà M quyết liệt và xác định không còn tình cảm với ông nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn Sĩ, sinh ngày 14/9/2008 và Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 05/8/2011. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Sĩ, giao cháu Trang cho bà M nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Bà M và ông D chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình làm việc cả bà M và ông D đều xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn và đều đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao 02 con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại huyện Long Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông D tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Xét thấy, sự mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông D là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ buồn vui cùng nhau, không còn tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M cương quyết ly hôn, ông D đồng ý ly hôn nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà M và ông D.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn Sĩ, sinh ngày 14/9/2008 và Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 05/8/2011. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Ông D yêu cầu được nuôi cháu Sĩ , giao cháu Trang cho bà M nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, quyền nuôi con, chăm sóc con là quyền chung của cha và mẹ, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Khi vợ chồng ly hôn thì việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ quyền lợi của người con, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh, khả năng của các bên và căn cứ vào quy định của pháp luật. Việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo cho các cháu có điều kiện tốt nhất để phát triển cả về thể chất, tinh thần, nhân cách.

Xét điều kiện, khả năng của các bên thì thấy: bà M và ông D hiện đều có công việc, thu nhập ổn định, đủ khả năng về mặt vật chất để nuôi dạy các con. Tại phiên tòa, ông D cũng thừa nhận việc học hành của các con ra sao ông không rõ điều này thể hiện ông D chưa quan tâm, chăm sóc các con tốt. Việc nuôi dạy, chăm sóc và học tập của các con từ trước đến nay đều do bà M lo nên bà M có điều kiện nuôi dưỡng con phát triển toàn diện hơn ông D. Hơn nữa, hiện nay các con đang ở với bà M và đều có nguyện vọng được ở với mẹ, mặt khác khoảng cách về tuổi của 2 cháu cũng không lớn (cách nhau 03 tuổi) và đã sống cùng nhau từ nhỏ, do đó việc để hai cháu sống cùng nhau là cần thiết, vừa để các cháu phát triển bình thường về tinh thần, không bị xáo trộn về mặt tâm lý, vừa tạo điều kiện để các cháu bồi đắp tình cảm anh em. Nên xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung của bà M là có cơ sở để xem xét, phù hợp với thực tế, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà M không cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông D đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn

nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Văn Sĩ, sinh ngày 14/9/2008 và Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 05/8/2011 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông D không phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con.

Ông Nguyễn Văn D được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004358 ngày 03/8/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà M đã nộp xong.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (11/10/2018) đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- THA huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ.